

**PHỤ LỤC SỐ 12
APPENDIX 12**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ
NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**

**REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN SHARES/FUND CERTIFICATES OF
INTERNAL PERSON AND AFFILIATED PERSONS**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài
chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)
(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of
Finance guiding the Information disclosure on securities markets)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

*Tp. HCM, ngày 04 tháng 01 năm 2019
HoChiMinh City, date 04 January 2019*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ CỦA NGƯỜI NỘI
BỘ CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, NGƯỜI NỘI BỘ CỦA QUỸ ĐẠI CHÚNG VÀ NGƯỜI
CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**

**REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN SHARES/FUND CERTIFICATES OF
INTERNAL PERSON OF PUBLIC COMPANY, INTERNAL PERSON OF PUBLIC FUND
AND RELATED PERSONS OF INTERNAL PERSON**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Công ty cổ phần Gỗ An Cường

To: - *The State Securities Commission*
- *An Cuong Wood-Working JSC*

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/ *Information on individual/ organization:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/ *Name of individual/organization:* SUMITOMO FORESTRY (SINGAPORE) LTD.

- Quốc tịch/ *Nationality:* Singapore.

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/ *ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization):* 198702804R, *date of issue:* 09/9/1987, *place of issue:* Cơ Quan Quản Lý Đăng Ký Doanh Nghiệp và Kế Toán của Singapore/ *The Accounting and Corporate Regulatory*

Authority (ACRA).

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/ Address: 55 Market Street #11- 02 Singapore (048941).

- Điện thoại/ Telephone Fax: Email: Website: www.sfspace.com.sg

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/ *Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company*: Người có liên quan của người nội bộ/ *Related person of internal person*.

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày đăng ký giao dịch (nếu có)/ *Position in the public company, the fund management company at registration date (if any)*: và ngày không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ:(nêu rõ lý do) */ *and date on which is no longer internal person or related person of internal person of the public company, the fund management company*:

*: Mục này chỉ dành cho trường hợp chưa hết thời hạn đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/ *This item is only for cases not yet registration deadline of transaction, the registrant is no longer the internal person or related person of internal person of the public company, the fund management company*.

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/ *Information about internal person of the public company/public fund is related person of trading individual/organization (in case trader is related person of internal person of the public company/public fund)*:

- Họ và tên người nội bộ/ *Name of internal person*: MASAMI KITAHASHI.

- Quốc tịch/ *Nationality*: Nhật Bản/ *Japan*.

- Hộ chiếu/ *Passport No.*: TZ1221804.

- Địa chỉ thường trú/ *Permanent address*: 1-8-31-302 Kami ChuJo, Ibaraki City, Osaka, Japan.

- Điện thoại liên hệ/ *Address*: Fax: Email:

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày cá nhân/tổ chức nêu tại mục 1 đăng ký giao dịch/ *Position in the public company, the fund management company at date on which individual / organization referred to in paragraph 1 to register the transaction*: Thành viên Hội Đồng Quản Trị/ *Member of Board of Management*.

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/ *Currently position in the public company, the fund management company*: Thành viên Hội Đồng Quản Trị/ *Member of Board of Management*.

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/ *Relationship of individual/organization executing transaction with internal person*: Sumitomo Forestry (Singapore) Ltd. là công ty mẹ của Công ty TNHH Sumitomo Forestry Việt Nam. Hiện nay, ông Masami Kitahashi là Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Sumitomo Forestry Việt Nam/ *Sumitomo Forestry (Singapore) Ltd. is the parent company of Sumitomo Forestry Vietnam Ltd. Curenly, Mr. Masami Kitahashi is the General Director of Sumitomo Forestry Vietnam Ltd*

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/ *Number, ownership proportion of shares held by the internal (if any): 0 cổ phần/ 0 share.*

3. Mã chứng khoán giao dịch/ *Securities code: Không có / None.*

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nêu tại mục 3/*Trading account number with shares/fund certificates mentioned above: Không có / None.* tại công ty chứng khoán/ *In securities company: Không có / None.*

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/ *Number, ownership proportion of shares/fund certificates held before transaction: 8.031.740 cổ phần (10%) / 8,031,740 shares (10%).*

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đăng ký mua / *Number of shares/fund certificates registered to purchase: 5.622.014 cổ phần / 5,622,014 shares.*

7. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã mua / *Number of shares/fund certificates purchased: 5.622.014 cổ phần / 5,622,014 shares.*

8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/ *Number, ownership proportion of shares/fund certificates held after executing transaction: 13.653.754 cổ phần (15,89%) / 13,653,754 shares (15.89%).*

9. Phương thức giao dịch/ *Mode of transaction: Thỏa thuận/ Negotiation.*

10. Thời gian thực hiện giao dịch/ *Transaction period: từ ngày/from 28/12/2018 đến ngày/to 02/01/2019.*

** (Trong trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký, người nội bộ/ người có liên quan phải giải trình nguyên nhân.)/ * *(In case of failing to execute full registered number, the internal person/ related person of internal person shall need to explain the reasons.)*

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
NAME OF REPORTING ORGANIZATION/
INDIVIDUAL/ PERSONS AUTHORIZED TO
DISCLOSE INFORMATION**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)
(Signature, full name and seal - in case of organization)*

岩垣 達夫



TATSUO IWAGAKI

Giám Đốc Điều Hành / *Managing Director*